

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Công viên nghĩa trang Long Đức mở rộng (58,16 ha)” tại Xã Bình An, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Xây dựng Nghĩa trang Long Thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai;

Xét Công văn số 7653/SoNNMT-MT ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Công viên nghĩa trang Long Đức mở rộng (58,15 ha);



Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần xây dựng nghĩa trang Long Thành tại Văn bản số 41/2025/CV-LT ngày 15/12/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 639/TTr - SoNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Công viên nghĩa trang Long Đức mở rộng (58,16 ha)” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Xây dựng Nghĩa trang Long Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Bình An, tỉnh Đồng Nai với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Xây dựng Nghĩa trang Long Thành;
- Bộ Nông Nghiệp và Môi trường (Báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nông Nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Bình An;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (Phòng Quản lý Cổng thông tin điện tử) (đăng tải);
- Lưu: VT, KTN, Thu, 12b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hoàng



CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“CÔNG VIÊN NGHĨA TRANG LONG ĐỨC MỞ RỘNG (58,16 HA)”
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Công viên nghĩa trang Long Đức mở rộng (58,16 ha).
- Địa điểm thực hiện: Xã Bình An, tỉnh Đồng Nai.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Xây dựng Nghĩa trang Long Thành.

1.2. Quy mô, công suất

- Tổng diện tích đất khoảng 581.696,40m² (58,16ha).
- Quy mô công suất: Số lượng mộ chôn cất: 43.537 mộ, số lượng lò hỏa táng: 10 lò.
- Nhóm dự án theo tiêu chí Luật đầu tư công: Nhóm B.

1.3. Công nghệ sản xuất: Không có. Dự án thực hiện mai táng cho người đã khuất qua các hình thức: chôn cất một lần, hỏa táng và cát táng.

1.4. Phạm vi

1.4.1 Các hạng mục công trình

- Đất mai táng với tổng diện tích 319.751,70m² bao gồm đất mai táng doanh nghiệp kinh doanh: 287.702,79m², đất mai táng bàn giao địa phương: 32.049,09m².

- Công trình chức năng, hạ tầng kỹ thuật với tổng diện tích khoảng 29.075,10m² bao gồm: Khu tổ chức tang lễ với diện tích khoảng 846,09m², khu hỏa táng với diện tích khoảng 3.656,25m², công trình lưu tro cốt với diện tích khoảng 21.500,86m², cổng kết hợp nhà bảo vệ với diện tích khoảng 209,77m², nhà quản trang với diện tích khoảng 831,65m², nhà dịch vụ với diện tích khoảng 378m², tháp cảnh quan với diện tích khoảng 200,48m², nhà vệ sinh với diện tích khoảng 360m², trạm biến áp với diện tích khoảng 12 m², trạm xử lý nước thải với diện tích khoảng 1.050 m²; khu vực lưu giữ chất thải rắn với diện tích khoảng 30m².

- Cây xanh - mặt nước với tổng diện tích khoảng 145.358,35m² bao gồm cây xanh: 126.081,50m², mặt nước: 19.276,85m². Đất giao thông với tổng diện tích khoảng 87.211,37m² gồm giao thông: 85.293,19m² và bãi đậu xe: 1.918,18m².

- Hệ thống cấp điện, cấp nước, viễn thông.

- Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải: hệ thống thu gom và thoát nước thải được xây dựng dọc theo các tuyến đường, thu gom nước thải từ hoạt động

sinh hoạt, vệ sinh sàn, vệ sinh thiết bị, dụng cụ của khu hỏa táng, khu tổ chức tang lễ.

- 01 công trình xử lý nước thải, tổng công suất $90\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ gồm 05 mô đun: 02 mô đun công suất $8\text{m}^3/\text{ngày.đêm}/\text{mô đun}$, 01 mô đun công suất $24\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ và 02 mô đun công suất $25\text{m}^3/\text{ngày.đêm}/\text{mô đun}$

Phạm vi dự án không bao gồm: đất ngoài ranh quy hoạch (giao thông đối ngoại) với tổng diện tích khoảng $299,70\text{m}^2$.

1.4.2. Hoạt động của dự án

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động phát quang thực vật, giải phóng chuẩn bị mặt bằng thi công; đào đắp công trình; san nền; vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị, máy móc thi công xây dựng, phế thải; thi công xây dựng các hạng mục công trình; sinh hoạt của công nhân.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động tang lễ, tưởng niệm, hỏa táng, mai táng, thăm viếng; hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại nghĩa trang.

1.4.3. Các hạng mục công trình và hoạt động dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường

- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng, hoạt động khai thác và vận chuyển đất đắp, đá, cát từ các mỏ vật liệu hoặc khu vực cung cấp vật liệu phục vụ giai đoạn thi công dự án.

- Hoạt động sử dụng đất dôi dư từ hoạt động thi công dự án để làm vật liệu san lấp.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không xả nước thải ra môi trường, không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động phát quang thực vật, giải phóng chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp san nền, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải trong phạm vi dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải; nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực, tác động đến môi trường khu vực thực hiện dự án, ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân lân cận, tăng nguy cơ tai nạn giao thông, tiềm ẩn sự cố tai

nạn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố ngập úng, sạt lở.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động tang lễ, tưởng niệm, hỏa táng, mai táng, thăm viếng làm phát sinh bụi, tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến khu vực dân cư trên tuyến đường vào dự án và làm phát sinh bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại tại dự án.

- Hoạt động của công nhân viên làm việc tại Dự án làm phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải, mùi hôi.

- Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải làm phát sinh bùn thải, tiếng ồn, mùi hôi.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

Tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất trong giai đoạn thực hiện thi công xây dựng khoảng $12,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$, cụ thể:

(1) Hoạt động của công nhân, làm phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần ô nhiễm chính: Chất rắn lơ lửng (SS), BOD_5 , COD, Nitơ (N), Phốt pho (P), Coliform.

(2) Hoạt động vệ sinh máy móc thiết bị, xịt rửa bánh xe phương tiện giao thông ra vào công trường, làm phát sinh nước thải với lưu lượng khoảng $2,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần ô nhiễm chính: pH, TSS, dầu mỡ khoáng.

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải: hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển chất thải xây dựng trong phạm vi dự án phát sinh bụi và khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, TSP, CO, NO_x , SO_x , VOC_s .

3.1.2. Giai đoạn vận hành:

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

Tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất trong giai đoạn vận hành của dự án khoảng $50,9 \text{ m}^3/\text{ngày}$, cụ thể:

(1) Hoạt động của công nhân viên tại Dự án và khách thăm viếng làm phát sinh lượng nước thải sinh hoạt khoảng $5,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần ô nhiễm chính: BOD_5 , COD, Chất rắn lơ lửng (SS), Amoni (NH_4), Tổng Nitơ (tính theo N), Tổng Phospho, Dầu mỡ động thực vật và Coliform.

(2) Quá trình vệ sinh sàn các khu vực phát sinh lượng nước thải khoảng

43,8m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chính: TSS, BOD₅, COD.

(3) Hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị của khu vực tổ chức tang lễ, khu hỏa táng phát sinh lượng nước thải khoảng 1,6m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chính: TSS, BOD₅, COD và vi khuẩn.

Ngoài ra, theo Quyết định phê duyệt chi tiết 1/500 đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt, dự án sẽ tiếp nhận nước thải phát sinh từ Công viên Vĩnh Hằng Long Thành (20,91ha) về trạm xử lý nước thải của dự án. Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án 20,91 ha là khoảng 13,4m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chính: BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng (SS), Amoni (NH₄), Tổng Nitơ (tính theo N), Tổng Photpho, Dầu mỡ động thực vật và Coliform.

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh cần xử lý của toàn bộ dự án (*bao gồm lưu lượng nước thải được tiếp nhận từ Dự án Công viên Vĩnh Hằng Long Thành quy mô 20,91ha*) là 64,7 m³/ngày.

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

(1) Hoạt động của các phương tiện ra vào dự án phát sinh bụi, khí thải với các thành phần ô nhiễm chính: Bụi, SO₂, NO₂, CO, THC.

(2) Hoạt động của các lò hỏa táng phát sinh bụi, khí thải với các thành phần ô nhiễm chính: Bụi, CO, SO₂, NO_x, HCl, Pb, Cd, Hg. Lưu lượng khí thải khoảng 7.200m³/giờ/lò.

(3) Hoạt động tang lễ, thăm viếng (đốt nhang, vàng mã) làm phát sinh khói, bụi với các thành phần ô nhiễm chính: formaldehyde, SO₂, NO₂, CO.

(4) Mùi hôi từ cống rãnh, khu chứa rác, hệ thống xử lý nước thải của Dự án với các thành phần ô nhiễm: NH₃, H₂S, Mercaptan.

(5) Hoạt động của máy phát điện dự phòng cho sự cố mất điện của lò hỏa táng phát sinh khí thải với các thành phần ô nhiễm: Bụi, SO₂, NO_x, CO.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1 Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Hoạt động của công nhân trong quá trình chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng làm phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 80kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, rau củ, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, giấy báo, ...

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng làm phát sinh khối lượng sinh khối thực vật (cây cao su) khoảng 2.030 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: chất thải thực bì, cây cỏ, cành lá, gỗ.

- Hoạt động thi công xây dựng làm phát sinh: (1) đất bóc hữu cơ khoảng 6.576m³; (2) đất đào dôi dư khoảng 245.415m³. Thành phần chủ yếu gồm: đất đào đắp dư thừa; (2) chất thải rắn xây dựng khoảng 3.968,9 tấn trong suốt thời

gian thi công. Thành phần chủ yếu là mẫu vụn sắt, thép, xà bần, bao bì, ...; (3) chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 2.645,6kg/thời gian xây dựng (60 tháng). Thành phần chính: dầu, mỡ thải, giẻ lau dính dầu, ...

3.2.2 Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân viên, khách thăm viếng phát sinh khối lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 124 kg/ngày. Bao gồm: Các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Hoạt động tang lễ, thăm viếng người quá cố phát sinh khối lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 100kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Bao bì, bánh ngọt, trái cây, vòng hoa, các loại giấy tiền vàng mã,...

- Hoạt động đào huyệt mộ trong quá trình vận hành dự án. Thành phần chủ yếu gồm: Đất, cát, đá.

- Hoạt động của các bể tự hoại. Thành phần chủ yếu gồm: bùn thải.

- Hoạt động vận hành hệ thống xử lý nước thải, lò hoả táng, chăm sóc cây xanh tại dự án, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị và từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên phát sinh khối lượng chất thải nguy hại khoảng 20.047 kg/năm, bao gồm: Giẻ lau dính dầu, Bao bì mềm thải; Bao bì cứng thải bằng nhựa; Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải, bùn thải, tro, bụi từ lò hoả táng...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

Phát sinh từ hoạt động thi công các hạng mục công trình, hoạt động của các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị thi công.

3.3.2 Giai đoạn vận hành:

Phát sinh từ các phương tiện tham gia giao thông đi lại của nhân viên, khách thăm viếng, hoạt động của máy móc thiết bị, hoạt động tang lễ, lò hoả táng, hệ thống xử lý nước thải.

3.4. Các hoạt động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất dư thừa, phế thải có khả năng gây ảnh hưởng tới hệ sinh thái, hoạt động giao thông đường bộ, sinh hoạt của người dân lân cận trong quá trình thi công.

- Trong quá trình vận hành dự án, có thể phát sinh các sự cố liên quan hệ thống xử lý nước thải, lò hoả táng, khu vực lưu giữ chất thải, ...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí 08 nhà vệ sinh di động tại khu lán trại trong công trường thi công (dung tích bồn chứa chất thải khoảng $01 \text{ m}^3/\text{nghĩa}$ vệ sinh). Yêu cầu về bảo vệ môi trường: nhà vệ sinh di động phải đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật lắp đặt, đảm bảo toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý theo quy định.

Đối với nước thải xây dựng: Bố trí hệ thống thu gom, các bể lắng cặn để thu gom, tách dầu và lắng lọc toàn bộ nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện, dụng cụ, thiết bị thi công. Nước thải sau khi tách dầu mỡ, lắng cặn được tái sử dụng toàn bộ vào mục đích làm ẩm vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển và tưới nước dập bụi trên công trường thi công; váng dầu được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của Dự án theo quy định; đất, cát, cặn tại bể lắng được thu gom và vận chuyển đi đổ thải cùng với phế thải xây dựng của Dự án.

b) Giai đoạn vận hành:

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên, khách thăm viếng được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, nước thải từ hoạt động vệ sinh sản tại các khu vực và nước thải từ hoạt động vệ sinh thiết bị, dụng cụ của khu tổ chức tang lễ, khu hỏa táng được thu gom về các hố ga nước thải, sau đó theo hệ thống thoát nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải của Dự án được thiết kế gồm 05 module, tổng công suất của hệ thống là $90 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Để phù hợp với tiến độ thi công của dự án, chủ dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải theo các mô đun như sau:

- Mô đun số 01 và mô đun số 02 với công suất $8 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}/\text{mô đun}$ được xây dựng đồng thời với quá trình xây dựng dự án.

- Mô đun số 03 công suất $24 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ được xây dựng khi nước thải phát sinh cần xử lý đạt 70% tổng công suất của mô đun số 01 và mô đun số 02.

- Mô đun số 04 công suất $25 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ được xây dựng khi nước thải phát sinh cần xử lý đạt 70% tổng công suất của mô đun số 01, mô đun số 02 và mô đun số 03.

- Mô đun số 05 công suất $25 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ được xây dựng khi nước thải phát sinh cần xử lý đạt 70% tổng công suất của mô đun số 01, mô đun số 02, mô đun số 03 và mô đun số 04.

- Nước thải từ dự án Công viên Vĩnh Hằng Long Thành theo đường ống thu gom dẫn về hố ga cuối sau đó phân phối bằng đường ống đến các mô đun xử lý.

Quy trình công nghệ 01 mô đun của hệ thống xử lý nước thải như sau: Nước thải (sau xử lý sơ bộ) → Bể điều hòa → bể anoxic → bể MBR → bể chứa nước sau

xử lý → hồ chứa nước thải sau xử lý chung cho 05 mô đun → tái sử dụng cho vệ sinh sàn, dội rửa nhà vệ sinh, vệ sinh thiết bị, dụng cụ của khu hỏa táng, tang lễ.

Nguồn nước tiếp nhận nước thải sau xử lý của dự án: Không xả nước thải ra môi trường cho đến khi có tuyến thoát nước thải chung của khu vực dẫn về hạ lưu hồ Lộc An theo văn bản số 15149/UBND-KTN ngày 09/1/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, bảng 2, cột A; QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; không xả nước thải thải ra ngoài môi trường.

Đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án được thu gom, xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi tái sử dụng cho hoạt động trên công trường thi công; nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng, không xả ra ngoài môi trường.

Thực hiện thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong dự án, đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo QCVN 14:2025/BTNMT, QCVN 40:2025/BTNMT, cột A trước khi tái sử dụng hoặc xả thải ra môi trường sau khi có tuyến thoát nước thải chung của khu vực dẫn về hạ lưu hồ Lộc An theo văn bản số 15149/UBND-KTN ngày 09/1/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Tất cả các loại xe chuyên chở đất cát, vật liệu xây dựng đảm bảo các tiêu chuẩn về chuyên chở: Sàn xe vận chuyển nguyên vật liệu và phế thải được lót kín, phải có bạt che phủ vật liệu, vận chuyển đúng tải trọng, không nổ máy trong thời gian chờ xếp dỡ nguyên vật liệu, kiểm soát tốc độ vận chuyển.

- Thực hiện phân luồng giao thông và kết nối giao thông từ dự án ra các tuyến đường hiện hữu.

- Trước khi ra khỏi khu vực dự án, bánh xe của các phương tiện vận chuyển được làm sạch đất, cát bằng hệ thống phun nước xịt rửa, không để đất cát bám trên bánh xe của các phương tiện vận chuyển rơi rớt trên đường.

- Thực hiện biện pháp bao che công trình bằng lưới, rào chắn với các công trình thi công ở giai đoạn phát sinh nhiều bụi.

- Tổ chức các đội chuyên trách thu dọn các vật liệu rơi vãi tại xung quanh khu vực công trường.
- Các phương tiện, máy móc, thiết bị xây dựng phải được kiểm tra thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ.

b) Giai đoạn vận hành:

Đối với bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông: thường xuyên phun nước tưới ẩm đường để giảm thiểu ô nhiễm bụi; định kỳ vệ sinh quét dọn các tuyến đường nội bộ trong phạm vi dự án; bê tông hoá đường nội bộ khu vực dự án; bố trí diện tích cây xanh tuyến đường nội bộ.

Đối với hoạt động đốt nhang, đèn, vàng mã: duy trì diện tích cây xanh tại dự án, khuyến khích thân nhân của người quá cố sử dụng nhang, nến có thành phần thân thiện với môi trường.

Đối với mùi phát sinh từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải, hệ thống xử lý nước thải và khu vực lưu giữ tạm các loại chất thải: thường xuyên nạo vét các hố ga, vệ sinh song chắn rác, thu gom rác thải ứ đọng và nạo vét bùn định kỳ. Bố trí hệ thống xử lý nước thải tại cuối hướng gió, có khoảng cách ly an toàn môi trường đến các đối tượng xung quanh theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ QCVN 07-10:2023/BXD. Các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy kín.

Đối với khí thải máy phát điện dự phòng: Hoạt động này diễn ra không thường xuyên, chỉ sử dụng trong trường hợp sự cố mất điện. Chủ dự án áp dụng biện pháp sau: Trang bị phòng lắp đặt máy phát điện riêng, khí thải từ hoạt động của máy phát điện được phát tán ra môi trường qua ống thải.

Đối với khí thải phát sinh từ hoạt động của 10 lò hỏa táng:

- Đầu tư lò đốt Tabo SE Thụy Điển dùng nhiên liệu LPG, hệ thống điều khiển tự động PLC để điều khiển tự động điều chỉnh quá trình đốt ở tỷ lệ hòa trộn không khí tối ưu bằng cách đo hàm lượng Oxy trong khí thải theo nguyên tắc của buồng đốt động cơ đốt trong ở nhiệt độ buồng đốt sơ cấp và cả thứ cấp rất cao (buồng đốt sơ cấp trên 750°C , buồng đốt thứ cấp trên 1.050°C), duy trì tốt thời gian lưu cháy khí thải trong buồng đốt thứ cấp ($> 2\text{s}$)

- Quy trình công nghệ: Đầu vào $\rightarrow$ buồng đốt sơ cấp nhiệt độ $>750^{\circ}\text{C} \rightarrow$ buồng đốt thứ cấp nhiệt độ $>1.050^{\circ}\text{C} \rightarrow$ kênh làm nguội khí $\rightarrow$ Ống khói thải

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $7.200\text{m}^3/\text{giờ}$.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Đối với chất thải rắn sinh hoạt: phân loại tại nguồn, bố trí các thùng rác chuyên dụng tại công trường thi công, lán trại để thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

Đối với chất thải rắn thông thường:

- Đối với chất thải rắn từ hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng: các loại chất thải phát sinh được thu gom, phân loại và tái sử dụng theo quy định; các loại chất thải không thể tái sử dụng được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với đất bóc hữu cơ bề mặt được tận dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

- Đối với lượng đất, đá phát sinh từ hoạt động đào đắp dôi dư sẽ thực hiện các thủ tục thu hồi khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản và Địa chất để làm vật liệu san lấp tại các công trình giao thông, xây dựng hoặc phục hồi khu vực khai thác khoáng sản được phép của địa phương.

- Đối với các loại chất thải rắn khác: Thực hiện thu gom, phân loại và lưu chứa tạm thời tại khu lưu giữ diện tích khoảng 30m² và hợp đồng vận chuyển và xử lý với đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

Đối với chất thải rắn sinh hoạt: phân loại tại nguồn, bố trí các thùng rác chuyên dụng dung tích 120 – 240L tại mỗi khu vực phát sinh và dọc khuôn viên dự án để thu gom toàn bộ lượng phát sinh, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn từ hoạt động mai táng, thăm viếng: phân loại tại nguồn, bố trí các thùng chứa chuyên dụng tại mỗi khu vực phát sinh để thu gom chuyển giao cùng chất thải sinh hoạt.

- Đất đào huyệt mộ: một phần tận dụng lại để đắp, phần dôi dư sẽ hiện các thủ tục thu hồi khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản và Địa chất để làm vật liệu san lấp tại các công trình giao thông, xây dựng hoặc phục hồi khu vực khai thác khoáng sản được phép của địa phương.

- Bùn thải từ bể tự hoại định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn thông thường được đưa về khu vực lưu giữ có tổng diện tích 20 m² (gồm 02 khu vực, mỗi khu vực 10m²) được thiết kế đảm bảo tuân thủ đúng quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Bố trí đủ thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ dự án.

Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh của Dự án được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Đối với chất thải nguy hại được tập trung và chứa trong các thùng kín có dán nhãn và lưu trong kho chứa chất thải tạm thời diện tích 10m² tại công trường xây dựng của dự án (có mái che bằng tôn, vách tôn bao quanh).

Hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại để xử lý theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

b) Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại từ các hoạt động của dự án thu gom, phân loại tại nguồn, chuyển về khu vực lưu chứa có diện tích 10m² và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý an toàn. Khu vực lưu chứa CTNH đảm bảo tuân thủ đúng quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công

xây dựng và vận hành dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Phương tiện vận tải ra vào Dự án đảm bảo các quy trình kỹ thuật và kiểm định thiết bị tránh phát sinh tiếng ồn, rung từ phương tiện vận chuyển; giới hạn tốc độ xe ra vào dự án.

- Chỉ sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được cơ quan quản lý đăng kiểm theo quy định. Các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; bảo đảm các phương tiện vận chuyển luôn chở đúng tải trọng cho phép.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh khu vực dự án để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động vận hành tới môi trường xung quanh.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án theo thiết kế để vận hành liên tục, ổn định. Trong quá trình thiết kế hệ thống xử lý đã tính toán hệ số an toàn, ngoài ra dự án có bố trí 01 hồ sự cố với thể tích 90m³ đảm bảo thời gian lưu chứa trong trường hợp xảy ra sự cố và đảm bảo thời gian khắc phục hệ thống xử lý nước thải.

- Dự phòng các thiết bị để sẵn sàng thay thế ngay khi xảy ra sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của các trạm xử lý nước thải. Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo nước thải phát sinh trong quá trình vận hành của dự án được xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi

xả ra môi trường.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các trạm xử lý nước thải của dự án; thường xuyên tập huấn cho nhân viên vận hành trạm xử lý nước thải về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống xử lý nước thải.

b) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại: các khu vực lưu giữ được lắp đặt các biển cảnh báo theo quy định; trang bị đầy đủ thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ, rò rỉ chất thải.

c) Công tác phòng cháy và chữa cháy: lắp đặt hệ phòng cháy chữa cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng hạng mục công trình của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

- Tiến hành đào các rãnh thoát nước mưa tạm thời, bố trí các hố lắng tạm thời trên trục thoát nước nhằm giảm hàm lượng cặn lơ lửng, giảm nguy cơ tắc nghẽn ngập úng.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước không để rác thải sinh hoạt, nhiên liệu dự trữ và nhiên liệu thải xâm nhập vào hệ thống thoát nước gây ô nhiễm hoặc tắc nghẽn hệ thống.

- Quy định chỗ tập kết vật liệu không chắn đường thoát nước.

- Các loại vật tư, thiết bị được tập kết dần từng đợt tùy theo yêu cầu tiến độ của công trình, không tập kết vật tư, vật liệu với số lượng lớn. Khu vực kho chứa nguyên liệu có nền cao hơn so với khu vực xung quanh. Nguyên vật liệu dự trữ trong công trường cần được che phủ bằng bạt hoặc vật liệu tương tự để tránh rửa trôi do nước mưa.

- Bố trí nhân viên theo dõi tình trạng thoát nước khi trời mưa và khơi thông đường thoát nước tránh tình trạng ngập úng gây ảnh hưởng đến người dân đang sinh sống xung quanh khu vực Dự án.

- Tổ chức đội vệ sinh thường xuyên vệ sinh các tuyến đường nội bộ.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm xây dựng, thực hiện chương trình quản lý môi trường bảo đảm đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường nêu tại mục 4 của Phụ lục này.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

a) Giám sát việc phân loại, thu gom và chuyển giao xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định pháp luật.

b) Giám sát bụi, tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí giám sát: 03 vị trí khu vực phía Bắc dự án, khu vực giữa dự án và khu vực phía Nam dự án.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bụi, CO, NO₂, SO₂, tiếng ồn.

- Tần suất: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát chất lượng khí thải định kỳ

- Vị trí giám sát: 10 ống thoát khí thải từ lò hoả táng.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi, CO, NO_x, SO₂, HCl, Pb, Hg, Cd.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B.

5.2.2. Giám sát chất lượng nước thải định kỳ: không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ đối với nước thải.

5.2.3. Giám sát chất thải rắn: Giám sát việc phân loại, thu gom và chuyển giao xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định pháp luật. Tần suất giám sát: thường xuyên.

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường như sau:

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương và các quy hoạch khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được tiến hành xây dựng các hạng mục công trình của Dự án trên diện tích đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan. Tuân thủ các quy định pháp luật về đất đai, khoáng sản và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quản lý, sử dụng đất đào, đất đắp, tái sử dụng lớp đất hữu cơ bề mặt

theo đúng quy định. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án và bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đấu nối mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và quy hoạch của địa phương.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, tiếng ồn, độ rung, nước thải, chất thải rắn đảm bảo đáp ứng quy chuẩn môi trường liên quan và không gây tác động xấu đến môi trường; chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Thiết kế các công trình xây dựng, công trình bảo vệ môi trường và các giải pháp thi công phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận để đảm bảo an toàn và đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Xây dựng, vận hành hệ thống thu gom nước thải đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của Dự án đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định pháp luật trước khi tái sử dụng tái sử dụng cho vệ sinh sàn, dội rửa nhà vệ sinh, vệ sinh thiết bị, dụng cụ của khu hỏa táng, tang lễ hoặc chuyển giao xử lý (nếu có); không thực hiện xả nước thải ra môi trường. Công khai, minh mạch các đường ống thu gom, tái sử dụng; theo dõi, giám sát lưu lượng nước thải (*gồm phát sinh, tái sử dụng, chuyển giao (nếu có)*) và đầu tư các mô đun xử lý nước thải theo đúng tiến độ. Sau khi địa phương hoàn thành hệ thống thoát nước thải bên ngoài dự án, nếu Chủ dự án có nhu cầu xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận, phải có văn bản báo cáo về UBND tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường để có ý kiến trước khi thực hiện phương án xả thải.

- Chủ dự án phải đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường và danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng.

- Thực hiện việc cấp giấy phép môi trường, vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi

trường được thực hiện như cam kết đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

- Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

